

Cơ sở chính trị, pháp lý

+ Ngày 15/5/2013, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 24-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo; theo đó, Bộ Chính trị xác định: *“có cơ chế chính sách đặc biệt, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ”*.

+ Ngày 17/7/2017, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 14-CT/TW về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ban hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14); trong đó, tại khoản 7 Điều 48 quy định về trách nhiệm của Chính phủ: *“Quy định về công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ”*. Ngày 30/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; trong đó, tại điểm c khoản 2 Điều 182 xác định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng: *“Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm cho nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ”*.

+ Ngày 27/7/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1237/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo; thực hiện Đề án, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06/12/2013 quy định chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 14/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1515/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Theo quy định tại khoản 11 Điều 25 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025, một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là: *“Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thực hiện thống nhất trong cả nước”*.

Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, sau hơn 10 năm thực hiện Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị; tạo điều kiện thuận lợi để công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đạt hiệu quả tích cực, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội ở các địa phương, làm tăng thêm niềm tin của nhân dân vào đường lối, chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, đã nảy sinh những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

Một là, bất cập về chế độ, chính sách đối với cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Các chế độ bồi dưỡng sức khỏe, chế độ bồi dưỡng tăng thêm đối với cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ hiện nay còn thấp, chưa đáp ứng ngày công lao động phổ thông cả trong nước và nước ngoài; chưa phù hợp với tính chất đặc thù, đặc biệt của nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ (địa bàn hoạt động chủ yếu ở các vùng rừng núi, địa hình phức tạp, xa các khu dân cư). Mặt khác, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm qua, Chính phủ đã 07 lần điều chỉnh mức lương cơ sở nhưng mức chi bồi dưỡng, mức chi hỗ trợ vẫn giữ nguyên (mức chi bồi dưỡng đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ hiện nay là 220.000 đồng/ngày/người). Vì vậy, việc động viên, khuyến khích, huy động các lực lượng tham gia, phối hợp tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ gặp nhiều khó khăn, nhất là khi làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập ở Lào và Campuchia.

+ Các quy định chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ chưa được bao phủ toàn diện, đồng bộ đến đối tượng được giao thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, như: Các lực lượng được giao thực hiện thu thập thông tin, tài liệu, kiện toàn hồ sơ, danh sách liệt sĩ, mộ liệt sĩ; sơ đồ, mộ chí; xác minh, kết luận địa bàn, lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ chưa được quy định. Một số nội dung đã đề cập nhưng chưa cụ thể, tính pháp lý không cao, khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Hai là, về công tác bảo đảm đối với tổ chức làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ: Bảo đảm hoạt động đối với các Ban Chỉ đạo, Ban Công tác đặc biệt, Ủy ban Chuyên trách, Cơ quan Thường trực các cấp. Chưa quy định mức kinh phí sửa chữa phương tiện xe ô tô của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 515) các cấp, tổ chức và dự Lễ xuất quân, giao nhiệm vụ, Lễ đón các đội tìm kiếm, quy tập làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập ở Lào, Campuchia về nước; Việc hỗ trợ kinh phí cho Ban Công tác đặc biệt Chính phủ Lào; Ủy ban Chuyên trách Chính phủ Campuchia hàng năm trong việc phối hợp chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh ở Lào, Campuchia trong các thời kỳ chiến tranh, tuy đã được quy định tại Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa cụ thể về nguồn và thẩm quyền hỗ trợ kinh phí.

Ba là, cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực của địa phương,

doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ kinh phí, vật tư, trang bị, phương tiện phục vụ nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, tuy đã đề cập, nhưng chưa cụ thể, khó khăn trong tổ chức, thực hiện ở các cấp.

Thứ hai, năm 2023, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ và 63 địa phương trên phạm vi toàn quốc tổ chức tổng kết và hội thảo đều thống nhất đề xuất ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

- Mục đích ban hành:

+ Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

+ Tạo cơ sở pháp lý, đồng bộ trong các văn bản quy phạm pháp luật; đúng thẩm quyền của Chính phủ; huy động các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; khắc phục khó khăn, vướng mắc, bất cập hiện hành, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở cơ sở; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 chương, 12 điều quy định chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với cá nhân, tổ chức làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, cụ thể như sau:

- Chương I, gồm 2 điều, từ Điều 1 đến Điều 2, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Chương II, gồm 3 điều, từ Điều 3 đến Điều 5, quy định chế độ, chính sách đối với cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

- Chương III, gồm 3 điều, từ Điều 6 đến Điều 8, quy định về công tác bảo đảm đối với các tổ chức làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

- Chương IV, gồm 4 điều, từ Điều 9 đến Điều 12, quy định về nguồn kinh phí, hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

- Ban hành kèm theo Nghị định các Phụ lục: (i) Phụ lục I - Danh mục trang phục chuyên dùng bằng hiện vật đối với cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập; (ii) Phụ lục II - Danh mục trang bị, phương tiện chuyên dụng và hậu cần, đời sống bảo đảm cho đội tìm kiếm, quy tập; (iii) Phụ lục III - Danh mục trang bị, phương tiện bảo đảm cho ban chỉ đạo, ban công tác đặc biệt, ủy ban chuyên trách, văn

phòng ban chỉ đạo, cơ quan thường trực, cơ quan chuyên môn các cấp.

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Chương I. Quy định chung

Chương này gồm 2 điều: Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, Điều 2 quy định đối tượng áp dụng.

Phạm vi điều chỉnh được kế thừa theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg. Đồng thời, quy định phạm vi điều chỉnh gồm: Cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ hoặc được cấp có thẩm quyền huy động tham gia tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và nước ngoài; công tác bảo đảm đối với tổ chức trực tiếp chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; chi hỗ trợ xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ, Đài tưởng niệm, Đài hữu nghị quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh ở nước ngoài.

Đối tượng áp dụng được kế thừa theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời làm rõ các đối tượng áp dụng tại điểm b, c khoản 4 Điều 2 để phù hợp với nhiệm vụ và hoạt động của công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trong tình hình hiện nay; khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn tổ chức thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

- Chương II. Chế độ, chính sách đối với cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

Nội dung chương này cơ bản kế thừa quy định tại Chương II Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Nội dung gồm: (1) Quy định chế độ, chính sách đối với cá nhân thuộc biên chế các đội làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; (2) Chế độ, chính sách đối với thành viên Ban Chỉ đạo; Ban Công tác đặc biệt, Ủy ban Chuyên trách các cấp; Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia; (3) Chế độ, chính sách đối với người được cấp có thẩm quyền huy động, giao thực hiện nhiệm vụ hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; người cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ; thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ hoặc người được ủy quyền đi tìm thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

- Chương III Quy định về công tác bảo đảm đối với các tổ chức làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

Chương này quy định về công tác bảo đảm đối với các đội tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; Ban Chỉ đạo, Ban Công tác đặc biệt, Ủy ban Chuyên trách Chính phủ các cấp, Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia, Cơ quan Thường trực; các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Các nội dung về cơ bản được kế thừa theo quy định tại Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời điều chỉnh, bổ sung, làm rõ một số nội dung.

- Chương IV. Điều khoản thi hành

Nội dung Chương này quy định nguyên tắc áp dụng, căn cứ, trách nhiệm bảo đảm chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

+ Điều 9. Quy định về nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách và công tác bảo đảm.

+ Điều 10. Quy định về hiệu lực thi hành

+ Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp: Quy định cụ thể các trang bị, phương tiện đã được bảo đảm đối với các tổ chức thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao các đơn vị, địa phương rà soát nếu còn niên hạn; chất lượng tốt thì tiếp tục sử dụng; đối với những trang bị, phương tiện chất lượng kém cần rà soát bảo đảm mới.

+ Điều 12. Quy định về trách nhiệm thi hành

20. Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

- Việc bãi bỏ, thay thế văn bản quy phạm pháp luật trước đó (nếu có): Bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ, Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày

01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Điều khoản chuyển tiếp: Được quy định tại Điều 12 Nghị định 283/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“Điều 27. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị và các tổ chức bên trong của đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, đơn vị phải thực hiện số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định này.”

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị

+ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Kết luận số 09-KL/TW ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, trong đó có chủ trương không duy trì mô hình tổng cục tại các bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XII đã thống nhất chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố).

+ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

+ Công văn số 68/CV-BCĐ ngày 28/5/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị

hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

+ Công văn số 59/CV-BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết nghị quyết số 18-NQ/TW về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Cơ sở pháp lý

+ Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã quy định rõ nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương, trên cơ sở đó quy định trách nhiệm của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành tiêu chí, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm trong tổ chức triển khai thực hiện.

+ Nghị quyết số 255/NQ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH15 ngày 28/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 – 2023, yêu cầu đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức và hoạt động của đơn vị để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công, bảo đảm chất lượng, hiệu quả phục vụ xã hội.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Đảng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (không còn mô hình tổng cục trong cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ và các tổ chức, đơn vị bên trong cũng được sắp xếp, cơ cấu lại; bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chính quyền địa phương chỉ tổ chức thành 02 cấp: cấp tỉnh và cấp xã) và định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

(chuyển cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện về địa phương quản lý; phân cấp mạnh quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính quyền địa phương...), các nội dung quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi để bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành, địa phương sau sắp xếp (đặc biệt đối với chính quyền địa phương cấp xã) và chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế giữa các bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

Từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2020/NĐ-CP là cần thiết, bảo đảm không có khoảng trống pháp lý trong quy định chung về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp thuộc bộ, ngành, địa phương. Theo đó, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương thống nhất thực hiện.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định bao gồm 15 điều về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó từ Điều 1 đến Điều 14 quy định về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 120/2020/NĐ-CP; Điều 15 quy định về điều khoản thi hành, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

Những nội dung cơ bản của Nghị định

- Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

+ Về đối tượng áp dụng (Điều 2): Sửa đổi, hoàn thiện khoản 1 theo hướng bỏ quy định đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổng cục thuộc bộ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục thuộc tổng cục thuộc bộ để bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức của các bộ; sửa đổi, hoàn thiện khoản 5 theo hướng thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện)” thành “Ủy ban nhân dân

xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)” bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

+ Về điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 5):

(1) Tại Văn bản số 20/CV-BCĐ ngày 17/10/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã hướng dẫn về thẩm quyền thành lập, tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã. Theo đó, để quy định thống nhất về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, tại Nghị định sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 5 về điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng đáp ứng đủ tiêu chí, điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (trừ đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cấp tỉnh, cấp xã).

(2) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 về tiêu chí, điều kiện về số lượng người làm việc tối thiểu khi thành lập đơn vị sự nghiệp công lập là viên chức, đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1 và nhóm 2 thì số lượng người làm việc tối thiểu bao gồm viên chức và người làm chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ hợp đồng lao động được xác định theo đề án thành lập để các bộ, ngành, địa phương thống nhất thực hiện.

(3) Về tự chủ tổ chức bộ máy (Điều 6): Sửa đổi điểm c khoản 2 cho thống nhất với đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ.

(4) Về tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 9): Sửa đổi khoản 4 cho thống nhất với đối tượng áp dụng và phân cấp thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

+ Về lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan (Điều 10): Sửa đổi điểm d khoản 1 cho thống nhất với đối tượng áp dụng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (thay cụm từ “cấp huyện” bằng “cấp xã”).

+ Về thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 13): Sửa đổi điểm d khoản 1 về thẩm định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban

nhân dân cấp xã (thay cụm từ “cấp huyện” bằng “cấp xã”).

+ Về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Điều 19): Sửa đổi điểm b khoản 2 (bỏ cụm từ “đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này (trừ đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này”) để bảo đảm thống nhất với nội dung phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và UBND cấp tỉnh thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp công lập này.

+ Về thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (Điều 21) được sửa đổi, hoàn thiện như sau: Để đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với bộ, ngành gắn với thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, sửa đổi, hoàn thiện khoản 1 theo hướng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành) trên cơ sở đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

+ Về thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 24) được sửa đổi, hoàn thiện như sau:

(1) Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, sửa đổi, hoàn thiện khoản 1 và khoản 3 theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành), Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

(2) Sửa đổi, hoàn thiện về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 cho thống nhất.

+ Về quy định chuyển tiếp (Điều 27): Sửa đổi, hoàn thiện quy định chuyển tiếp về việc thực hiện số lượng cấp phó sau sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 190/2025/QH15

ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

+ Về áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác (Điều 28): Sửa đổi, hoàn thiện theo hướng bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

- Nội dung bổ sung: Bổ sung Điều 18a quy định về chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương thực hiện sắp xếp, chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết nghị quyết số 18-NQ/TW tại Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025. Trong đó, quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tương tự như đối với việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, do đó không làm tăng thủ tục hành chính đối với nội dung quy định này.

- Nội dung lược bỏ:

+ Lược bỏ khoản 2 Điều 7 về điều kiện thành lập Hội đồng quản lý; điểm d khoản 1 Điều 5 về điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; khoản 1, khoản 2 Điều 23 về thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Tài chính để thống nhất thực hiện việc giao vốn, tài sản đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Bỏ cụm từ “khoản 2” tại điểm c khoản 6 Điều 7, cụm từ “thanh tra” tại khoản 4 Điều 22 về thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra.

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Tại Nghị định, Chính phủ phân cấp cho người đứng đầu bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác). Theo đó, trình tự, thủ tục về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cắt giảm, đơn giản hóa, không phải gửi Bộ Nội vụ thẩm định để trình Thủ tướng quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể.

- Nội dung phân quyền, phân cấp: Tại Nghị định quy định: (i) Phân cấp cho

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác); (ii) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Nội dung phân cấp này là phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế và chi phí cho việc thực hiện nội dung phân cấp.

20. Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trong trường hợp Luật Dầu khí được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành trước ngày 28/02/2027 thì áp dụng đến thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật Dầu khí được sửa đổi, bổ sung.

- Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

- Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực có quy định khác với nội dung của Nghị quyết này thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

+ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội khóa XV về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

+ Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

+ Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Mục đích ban hành:

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dầu khí, hạn chế tối đa những khó khăn, vướng mắc có thể gặp phải khi triển khai thực hiện.

+ Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trên biển phù hợp với luật pháp quốc tế, đồng thời góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định trên biển để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 5 điều quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí, cụ thể như sau:

- Điều 1 - Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Nghị quyết này quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc trong giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí liên quan đến khoản 5 Điều 45, khoản 5 Điều 46, khoản 5 Điều 47, khoản 5 Điều 48, khoản 6 Điều 50 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022 (Luật Dầu khí năm 2022); Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí (Nghị định số 45/2023/NĐ-CP).

+ Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

- Điều 2 - Giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương theo quy định của Luật Dầu khí năm

2022 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, bảo đảm không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh đối với các nội dung sau:

+ Phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí, ngoại trừ trường hợp dự án phát triển mỏ dầu khí trên đất liền, dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục và công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí đối với trường hợp thay đổi phương án phát triển, ngoại trừ đối với các dự án khí, dự án có thay đổi nhu cầu sử dụng đất đối với phát hiện dầu khí đã được phê duyệt.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 48 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN 3 chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

+ Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí đối với các trường hợp:

(1) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư giảm, không phụ thuộc vào nội dung thay đổi các hạng mục công việc và chi phí từng hạng mục;

(2) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư tăng dưới 10% ngoại trừ trường hợp xây dựng thêm giàn.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

+ Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đối với các trường hợp:

(1) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư giảm, không phụ thuộc vào nội dung thay đổi các hạng mục công việc và chi phí từng hạng mục;

(2) Việc điều chỉnh dẫn đến tổng mức đầu tư tăng dưới 10% ngoài trường hợp xây dựng thêm giàn.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 8 Điều 50 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP. PVN chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn của PVN trong trường hợp PVN tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu.

+ Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu dọn công trình dầu khí đối với các

trường hợp điều chỉnh dẫn đến dự toán chi phí trong kế hoạch thu dọn công trình dầu khí được phê duyệt gần nhất của Bộ Công Thương giảm hoặc tăng dưới 20% không phụ thuộc vào nội dung thay đổi.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

+ Phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí (lần đầu) đối với mỏ, phát hiện dầu khí có tổng lượng dầu tại chỗ dưới 30 triệu m³, tổng lượng khí tại chỗ dưới 30 tỷ m³, ngoại trừ những báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí do PVN trực tiếp thực hiện đối với những Hợp đồng dầu khí mà PVN là Người điều hành, Chủ đầu tư.

Việc thẩm định, phê duyệt của PVN được thực hiện theo quy trình do PVN ban hành.

- Điều 3. Trách nhiệm của PVN và Bộ Công Thương

PVN có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương kết quả phê duyệt các nội dung được giao quyền nêu trên.

Bộ Công Thương tổ chức kiểm tra, giám sát PVN trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao quyền nêu trên.

- Điều 4. Trách nhiệm thi hành: theo mẫu chung.

- Điều 5. Hiệu lực thi hành: đã nêu tại điểm 2 Văn bản này.

22. Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.

- Việc bãi bỏ, thay thế văn bản trước đó:

+ Bãi bỏ Quyết định 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013.

+ Bãi bỏ Quyết định 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021 (sửa đổi, bổ sung Quyết định 71/2013).

+ Bãi bỏ Quyết định 15/2024/QĐ-TTg ngày 04/10/2024 (sửa đổi, bổ sung Quyết định 71/2013).

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Pháp lý: Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15).

Thực tiễn: Những năm gần đây, công nghệ thông tin vô tuyến phát triển nhanh, đặc biệt là các hệ thống thông tin di động 5G, hướng tới 6G, mạng vệ tinh phi địa tĩnh tầm thấp (LEO), Wi-Fi 6E/7 và nhiều ứng dụng phục vụ Cách mạng công nghiệp 4.0. Sự phát triển này làm gia tăng mạnh mẽ nhu cầu sử dụng phổ tần số vô tuyến điện, đòi hỏi quy hoạch phải được điều chỉnh kịp thời để bảo đảm tài nguyên tần số luôn sẵn sàng phục vụ triển khai công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

Nhu cầu tần số cho các mạng chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh cũng đang thay đổi, mở rộng cả về phạm vi và yêu cầu kỹ thuật. Do đó, cần sửa đổi, cập nhật để bảo đảm phân bổ tần số hài hòa, hợp lý giữa các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Ngoài ra, quá trình rà soát việc thực hiện quy hoạch thời gian qua cho thấy một số quy định hiện hành bộc lộ bất cập, không còn phù hợp thực tiễn hoặc thiếu tính thống nhất, cần được điều chỉnh, bổ sung để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi.

- Mục đích ban hành:

+ Hướng tới phát triển mạng thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài; phù hợp với xu hướng phát triển quốc tế; đáp ứng nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng và an ninh.

+ Là cơ sở để các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân định hướng nghiên cứu, phát triển, sản xuất, nhập khẩu, lắp đặt và khai thác thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Văn bản gồm 8 điều Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia quy định việc phân chia phổ tần số vô tuyến điện thành các băng tần dành cho các nghiệp vụ vô tuyến điện và quy định mục đích, điều kiện để sử dụng đối với từng băng tần.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện.

+ Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam.

Các quy định chính, nội dung mới so với văn bản trước đó

- Nội dung chính:

+ Mục tiêu của quy hoạch: như mục đích đã nêu ở phần 3.

+ Phân bổ tần số vô tuyến điện phục vụ quốc phòng, an ninh, kinh tế-xã hội: quy định rõ ưu tiên cho quốc phòng, an ninh và trong thời bình dành các băng tần phổ cập toàn cầu cho kinh tế-xã hội.

+ Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh: cụ thể hóa trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và UBND các tỉnh, thành phố.

+ Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện: sử dụng đúng mục đích, điều kiện sử dụng quy định kèm theo; chuyển đổi tần số nếu thiết bị/sử dụng trước đó không còn phù hợp với quy hoạch mới.

+ Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện: bảo đảm thiết bị có băng tần hoạt động và các tính năng kỹ thuật phù hợp với nghiệp vụ vô tuyến điện và điều kiện sử dụng được quy định trong Quy hoạch.

- Nội dung mới so với văn bản trước đó:

+ Văn bản thay thế toàn diện các Quyết định trước (71/2013, 38/2021, 15/2024) và cập nhật yêu cầu theo xu hướng quốc tế, chuẩn bị cho công nghệ mới như 6G, Wi-Fi 7, thông tin vệ tinh.

+ Rõ hơn về việc ưu tiên phân bổ băng tần cho mục đích quốc phòng, an ninh, và trong thời bình dành cho kinh tế-xã hội.

- Ban hành kèm theo Quyết định Phụ lục Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

23. Quyết định số 38/2025/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý

+ Trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã quyết nghị một số định hướng, chủ trương lớn liên quan đến đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng (Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023) đã cho phép Bộ Quốc phòng chỉ đạo giao cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên doanh góp vốn thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Cảng - Petro Cam Ranh để triển khai dự án Cảng quốc tế Cam Ranh. Mục tiêu xây dựng Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng để phát huy các tiềm năng, lợi thế về địa chính trị, quân sự nhằm củng cố, tăng cường hợp tác, đối ngoại quốc phòng.

+ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngày 21/8/2024, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch số 9334/KH-UBND về phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

+ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023; quy định Chứng minh nhân dân hết hiệu lực từ 01/01/2025, được thay thế bằng thẻ Căn cước, nên việc yêu cầu các cá nhân khi ra vào Cảng Quốc tế Cam Ranh phải cung cấp Chứng minh nhân dân không còn phù hợp với quy định của Luật.

+ Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, trong đó có quy định cụ thể về việc bảo đảm tài chính của Bộ Quốc phòng đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh trong khi quyết định hiện hành chỉ quy định bảo đảm kinh phí cho hoạt động đối ngoại quốc phòng, do đó cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

+ Căn cứ khoản 5 Điều 25 Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg quy định về trách

nhiệm và quyền hạn của Bộ Quốc phòng: “Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan để đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với yêu cầu thực tế về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”; Quyết định số 44/2015/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế đảm bảo an ninh, an toàn Căn cứ quân sự Cam Ranh.

+ Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ ban hành viện dẫn trong nội dung Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành hoặc đã được thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới, như: Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Khám chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009; Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Cơ sở thực tiễn

Qua 09 năm thực hiện Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg (sau đây gọi chung là Quy chế) đã tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức và khai thác hiệu quả lợi thế của Cảng quốc tế Cam Ranh về nhiệm vụ đối ngoại quốc phòng, cũng như kết hợp giữa quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội. Quy chế là hành lang pháp lý cho các Bộ, ngành, địa phương phối hợp quản lý tốt hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng, bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối Căn cứ quân sự Cam Ranh. Đây cũng là cảng biển đầu tiên hoạt động theo cơ chế, Quy chế đặc thù được Thủ tướng ban hành quyết định riêng, tạo sự chủ động, tích cực, hội nhập sâu rộng với các nước trên thế giới.

- Mục đích ban hành: Nhằm tạo cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành, địa phương và các lực lượng chức năng thực hiện quản lý Nhà nước và tổ chức khai thác lợi thế của khu vực Cảng quốc tế Cam Ranh; góp phần cải cách thủ tục hành chính, loại bỏ chồng chéo và hoàn thiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng kết hợp với kinh tế. Xây dựng khuôn khổ, hành lang pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương cũng như tổ chức và cá nhân trong triển khai thực hiện. Thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, tạo điều kiện phát triển

kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 04 Điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không làm thay đổi về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng so với trước đây.

- Điều 1 gồm 09 khoản sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg ngày 27/6/2016, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ:

- Điều 2. Thay thế, bãi bỏ điều khoản, mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành, Bộ Quốc phòng đề xuất có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

- Điều 4. Tổ chức thực hiện.

- Ban hành kèm theo Quyết định Phụ lục bổ sung mẫu văn bản đề nghị, công văn trả lời, danh sách vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh.

- Nội dung kế thừa

Quyết định đã kế thừa những nội dung còn phù hợp của Quy chế; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, trong đó kế thừa toàn bộ nội dung các điều, khoản: Điều 1, khoản 1 Điều 2, Điều 3 (trừ khoản 2), Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, từ Điều 11 đến Điều 18, từ Điều 20 đến Điều 25 (trừ khoản 1, khoản 2), từ Điều 26 đến Điều 30 Quy chế.

- Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Sửa đổi, hoàn thiện một số điều, khoản không còn phù hợp với thực tiễn cũng như quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng Quy chế. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện được quy định tại Điều 1, gồm 09 khoản, cụ thể:

+ Sửa đổi nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên (*khoản 1 Điều 1*). Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ quan trọng là đối ngoại quốc phòng, nếu các nước có nhu cầu cung cấp dịch vụ hàng hải hoặc vào thăm Việt Nam. Do đó, ngoài quy định của pháp luật Việt Nam, quy định về thực hiện các quy định của Thỏa thuận quốc tế, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

+ Sửa đổi quy định về tên gọi của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Cảng - Petro Cam Ranh tại khoản 2 Điều 3 Quy chế (*khoản 2 Điều 1*).

+ Sửa đổi nội dung liên quan đến công tác bảo đảm tài chính tại Điều 7 Quy chế (*khoản 4 Điều 1*).

+ Sửa đổi quy định thủ tục cấp phép cho người và phương tiện Việt Nam vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh theo quy định tại Điều 10a Quy chế (*khoản 6 Điều 1*)

Đồng thời, cũng đề xuất cắt giảm một số thành phần hồ sơ không cần thiết như bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và bản sao giấy đăng ký phương tiện đối với thủ tục cấp phép cho “*Người và phương tiện Việt Nam vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh*” vì các thông tin nêu trên hoàn toàn có thể khai thác trực tiếp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, Quy chế bổ sung quy định tăng thời gian hiệu lực của Văn bản cấp phép, Giấy vào, ra kể từ ngày được cấp phép theo từng đối tượng cụ thể (cán bộ, nhân viên, người lao động và phương tiện thuộc Công ty Tân Cảng - Petro Cam Ranh: 12 tháng; người và phương tiện của cơ quan quản lý nhà nước tại Cảng quốc tế Cam Ranh; các doanh nghiệp ký hợp đồng dài hạn với Công ty Tân Cảng - Petro Cam Ranh thường xuyên vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh: 03 tháng).

Bổ sung thêm hình thức trực tuyến trong nộp hồ sơ và trả kết quả sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, rút gọn các bước quy trình và đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc; đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí.

+ Sửa đổi thủ tục cấp phép cho người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh theo quy định tại Điều 10b Quy chế (*khoản 7 Điều 1*), quy chế xác định “người Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài” là người Việt Nam, do đó thủ tục cấp phép vào, ra cho “người Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài” được tách khỏi Điều 10b và thực hiện thủ tục cấp phép cho “người, phương tiện dân sự Việt Nam” quy định tại Điều 10a.

+ Bỏ các cụm từ “có hộ chiếu nước ngoài” và “có hộ chiếu Việt Nam” trong Quy chế để phù hợp với các quy định của pháp luật về cư trú.

+ Quy chế mở rộng đối tượng đề nghị cấp phép là “cơ quan, đơn vị chủ trì kế hoạch đưa người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh”.

+ Điều 10b Quy chế cũng bổ sung phương thức nộp hồ sơ, trả kết quả trực tuyến, phù hợp với chủ trương chung của Đảng, Nhà nước về cải cách hành chính và chuyển đổi số.

+ Điều chỉnh văn bản đã hết hiệu lực tại Điều 19 Quy chế (*khoản 8 Điều 1*), do Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh (hết hiệu lực từ ngày 01/01/2024) và chưa có văn bản thay thế trực tiếp.

+ Sửa đổi khoản 2 nội dung về trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Quốc phòng tại Điều 25 Quy chế (*khoản 9 Điều 1*)

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 6 và bố cục lại nội dung Điều 6 Quy chế (*khoản 3 Điều 1*).

- Nội dung bổ sung

+ Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 25 Quy chế (*khoản 9 Điều 1*).

+ Cảng quốc tế Cam Ranh thực hiện nhiệm vụ quốc phòng (đặc biệt là khi có tình huống về quốc phòng hoặc hoạt động diễn tập quân sự quy mô lớn...) có thể phải dừng toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Cảng khiến việc thực hiện các hợp đồng đã ký bị đình trệ hoặc phải hủy bỏ gây thiệt hại về kinh tế với giá trị lớn (bao gồm cả hậu quả trực tiếp và gián tiếp). Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đảm bảo khả năng sẵn sàng huy động, sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng của Cảng cho mục đích quốc phòng khi cần thiết, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng.

- Nội dung thay thế, bãi bỏ

+ Thay thế các Mẫu số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 tại Phụ lục bổ sung mẫu văn bản đề nghị, công văn trả lời, danh sách ra, vào Cảng quốc tế Cam Ranh ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-TTg bằng các Mẫu số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 tại Phụ lục bổ sung mẫu văn bản đề nghị, cấp phép, giấy vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh ban hành kèm theo Quyết định này (*khoản 1 Điều 2*).

+ Bãi bỏ khoản 1 Điều 25 Quy chế (khoản 2 Điều 2 Quy chế quản lý hoạt động của Cảng tại Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg) để tránh trùng lặp hoặc mâu thuẫn với các quy định pháp luật hiện hành về cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

+ Bãi bỏ các Mẫu số 01, 02 và 03 của Phụ lục danh mục mẫu biểu tiếp nhận tàu quân sự nước ngoài vào Cảng quốc tế Cam Ranh ban hành kèm theo Quy chế quản lý hoạt động của Cảng quốc tế Cam Ranh - Bộ Quốc phòng tại Quyết định số 25/2016/QĐ-TTg (khoản 3 Điều 2 Quy chế 4), lý do: các thủ tục hành chính sử dụng các mẫu biểu này đã được cắt giảm khi sửa đổi Điều 10 của Quy chế (khoản 5 Điều 1 Quy chế 4), tránh việc lặp lại quy định đã có tại các văn bản pháp luật (Nghị định số 104/2012/NĐ-CP, Nghị định số 95/2010/NĐ-CP,...).

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính về cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài vào cảng sử dụng các dịch vụ, bảo dưỡng, sửa chữa quy định tại khoản 2, khoản 3 và bổ cục lại khoản 1, khoản 4 Điều 10 Quy chế (*khoản 5 Điều 1*).

+ Đơn giản hóa thủ tục hành chính: Sửa đổi, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Điều 10a, Điều 10b Quy chế (khoản 6, khoản 7 Điều 1 Quyết định 4)

+ Gộp “thủ tục cấp phép cho người và phương tiện dân sự vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh theo kế hoạch” và “thủ tục cấp phép cho người và phương tiện của cơ quan quản lý nhà nước tại Cảng quốc tế Cam Ranh; các tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng dài hạn với Công ty Tân Cảng - Petro Cam Ranh thường xuyên vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh được xem xét cấp giấy ra vào Cảng quốc tế Cam Ranh có thời hạn 03 tháng” thành thủ tục “cấp phép cho người và phương tiện dân sự Việt Nam vào, ra Cảng quốc tế Cam Ranh”.

+ Cắt giảm các thành phần hồ sơ: “*Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy đăng ký phương tiện*”.

+ Bổ sung thêm hình thức trực tuyến trong nộp hồ sơ và trả kết quả sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, rút gọn các bước quy trình và đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc; đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí.

24. Quyết định số 39/2025/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện việc rà soát, hợp nhất Tủ sách pháp luật tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã được xây dựng theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật thành bộ phận sách, tài liệu pháp luật của thư viện hoặc điểm Bưu điện - Văn hóa xã hoặc Trung tâm học tập cộng đồng hoặc hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp, bảo đảm việc hợp nhất hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý

Thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, chỉ đạo việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), coi đây là một trong những giải pháp đổi mới công tác này. Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu: “*Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*”.

Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã định hướng: “*Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn,*

hiệu quả, tránh lãng phí”; mục tiêu đến năm 2030: “Phủ sóng 5G toàn quốc... Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới.”⁵; “Đa dạng hoá phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số”⁶; “Đổi mới, đa dạng hoá các hình thức, cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật...”⁷.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã thể chế hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, theo đó: “Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong PBGDPL, trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm; lồng ghép nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật vào phong trào “học tập số”⁸; “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL, tập trung PBGDPL trên Cổng/Trang thông tin điện tử PBGDPL của bộ, ngành, địa phương hoặc của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp và các ứng dụng trên thiết bị di động; thi tìm hiểu pháp luật, tập huấn pháp luật trực tuyến; nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong PBGDPL...”⁹.

Như vậy, theo chỉ đạo, yêu cầu của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật là một trong các hình thức PBGDPL cần có sự đổi mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 13/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật¹⁰ (sau đây gọi là Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg). Để đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, đề ra định hướng, giải pháp cho việc xây dựng,

⁵ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

⁶ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁷ Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

⁸ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW.

⁹ Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

¹⁰ Thay thế Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật từ ngày 01/5/2019.

quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật (sau đây gọi là TSPL), Bộ Tư pháp đã tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương hướng dẫn Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả 05 năm triển khai Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg¹¹. Trên cơ sở báo cáo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và qua theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg, ngày 30/5/2025, Bộ Tư pháp đã ban hành Báo cáo số 257/BC-BTP về kết quả 05 năm thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg.

Từ thực tiễn thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg cho thấy, TSPL đã góp phần giảm chênh lệch về tiếp cận thông tin pháp luật giữa khu vực thành thị và nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới...; đa dạng hóa thiết chế văn hóa - thông tin tại cơ sở, nâng cao hiểu biết pháp luật, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Bên cạnh kết quả đạt được, Báo cáo số 257/BC-BTP cũng đã nêu lên những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của việc xây dựng, quản lý, khai thác TSPL thời gian qua, trong đó có hiệu quả hoạt động của TSPL ở nhiều nơi không cao, tỷ lệ người dân đến đọc, mượn sách rất ít, có những nơi hầu như không có người đến đọc, mượn sách. Đặc biệt, trong xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, chuyển đổi số, việc ứng dụng Internet để tìm kiếm, tra cứu thông tin, dữ liệu, trong đó có thông tin pháp luật ngày càng phổ biến, dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện, ít chi phí với hiệu quả cao, khiến cho TSPL giấy truyền thống càng trở nên lạc hậu và ít được sử dụng..., trừ mô hình TSPL trong lực lượng vũ trang nhân dân, việc quy định “cứng” duy trì TSPL truyền thống theo phạm vi và yêu cầu của Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg không còn phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở đó, tại Báo cáo số 257/BC-BTP, Bộ Tư pháp đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét bãi bỏ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg.

Ngày 25/6/2025, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 5827/VPCP-PL, trong đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đã đồng ý chủ trương bãi bỏ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg; đồng thời giao Bộ Tư pháp xây dựng cơ chế để các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xem xét, quyết định duy trì xây dựng, quản lý, khai thác TSPL trong trường hợp có nhu cầu tiếp tục duy trì TSPL; bảo đảm không tạo ra khoảng trống sau khi văn bản được bãi bỏ.

Do vậy, việc xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg là cần thiết, nhằm khắc phục các bất cập, hạn

¹¹ Công văn số 573/HĐPH-PBGDPL ngày 31/01/2024 của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

chế do một số quy định không còn phù hợp của Quyết định này, đồng thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo cơ chế linh hoạt cho các cơ quan, tổ chức, địa phương trong xây dựng, quản lý, khai thác TSPL, đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Mục đích ban hành: Thực hiện đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW và chuyển mạnh sang ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả TSPL điện tử quốc gia và các phương tiện điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia theo yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 06 điều quy định về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia;
- Điều 3. Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân;
- Điều 4. Kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân;
- Điều 5. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp;
- Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

25. Quyết định 40/2025/QĐ-TTg ngày 31/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu (ATK) trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 11 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị: Nghị quyết số 60-NQ/TW Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 12/4/2025; Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về

phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nội vụ; Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 quy định chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

Cơ sở thực tiễn: (1) Việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã làm thay đổi địa giới hành chính, quy mô, tên gọi của nhiều ĐVHC đã được công nhận là xã đảo và xã ATK, vùng ATK đặt ra yêu cầu cần phải rà soát, cập nhật; xây dựng các tiêu chí, quy trình mới để công nhận xã đảo, xã ATK bảo đảm phù hợp với ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp, tránh tình trạng khoảng trống pháp lý gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, nhất là áp dụng các chính sách đặc thù đối với các ĐVHC là xã đảo, xã ATK.

- Mục đích ban hành: Hoàn thiện quy định của pháp luật về tiêu chí, quy trình, thủ tục công nhận xã đảo, xã ATK phù hợp việc sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; làm căn cứ để các địa phương rà soát, lập hồ sơ công nhận các xã đảo, xã ATK trên địa bàn; quy định các nội dung chuyển tiếp đối với các xã đảo, xã ATK và áp dụng chế độ, chính sách đối với người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các xã đảo, xã ATK và vùng ATK đã được công nhận trước thời điểm vận hành tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (01/7/2025).

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 09 điều về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo và xã An toàn khu (ATK) trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cụ thể như sau:

- Về tiêu chí, quy trình, thủ tục công nhận xã đảo

+ Về tiêu chí: Quy định việc công nhận xã đảo phải đáp ứng đủ 02 tiêu chí: (1) Có 50% trở lên diện tích tự nhiên là đảo, quần đảo theo quy định tại Điều 19 Luật biển Việt Nam số 18/2012/QH13 (sửa đổi, bổ sung tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15) hoặc có toàn bộ diện tích tự nhiên là cù lao biệt lập với đất liền, có điều kiện tương tự như đảo; (2) Có người dân thường trú hoặc có lực lượng vũ trang đóng quân trên đảo, quần đảo, cù lao để tham gia quản lý, bảo vệ quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo.

+ Về thẩm quyền: Quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã đảo trên cơ sở thẩm định của Sở Nội vụ để tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

+ Về quy trình, thủ tục: Thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục theo hướng: UBND cấp xã lập hồ sơ, Sở Nội vụ chủ trì thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp

tỉnh ra quyết định công nhận. Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cơ quan thẩm định phải có văn bản trả lời và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Về tiêu chí, quy trình, thủ tục công nhận xã ATK

+ Về tiêu chí: Quyết định cơ bản kế thừa các quy định của Quyết định số 897/QĐ-TTg vì các tiêu chí công nhận xã ATK gắn liền với các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng, cơ sở kháng chiến, địa điểm hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận và các đoàn thể trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

+ Đối với xã ATK là ĐVHC cấp xã đáp ứng ít nhất 03 trong 05 tiêu chí về giá trị lịch sử cách mạng, gồm: (1) nơi được cấp ủy từ Khu ủy, Quân khu ủy trở lên chỉ đạo xây dựng ATK cách mạng; (2) nơi ở, làm việc, hoạt động lãnh đạo của cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội trong kháng chiến; (3) nơi diễn ra các sự kiện, quyết sách chiến lược, có trụ sở cơ quan, đơn vị cấp Khu, Quân khu trở lên hoặc cơ quan ngoại giao, chỉ huy mặt trận; (4) nơi đóng quân, huấn luyện, tập kết, kho tàng của lực lượng vũ trang từ cấp đại đội trở lên; (5) nơi có phong trào cách mạng vững mạnh, diễn ra những trận đánh thắng lợi quan trọng bảo vệ cơ quan lãnh đạo cách mạng.

+ Đối với Vùng ATK: Đề xuất không quy định việc công nhận vùng ATK do trước đây việc công nhận vùng ATK gắn với địa bàn ĐVHC cấp huyện.

+ Về thẩm quyền: Quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã ATK trên cơ sở thẩm định của Sở Nội vụ và ý kiến của Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp.

+ Về quy trình, thủ tục: Đơn giản hóa quy trình thủ tục theo hướng UBND cấp xã lập hồ sơ khoa học, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, gửi UBND cấp tỉnh. Sở Nội vụ chủ trì thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã ATK. Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cơ quan thẩm định phải có văn bản trả lời và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Về điều khoản chuyển tiếp: Quy định các nội dung chuyển tiếp việc công nhận xã đảo, xã ATK đối với các ĐVHC cấp xã đã được công nhận là xã đảo, xã ATK trước thời điểm Quyết định có hiệu lực thi hành đảm bảo tính kế thừa, liên tục và nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục công nhận xã đảo, xã ATK và quy định trách nhiệm và thời hạn UBND cấp tỉnh phải hoàn thành việc công nhận và công bố danh sách các xã đảo, xã ATK. Đồng thời, giao UBND cấp tỉnh công bố danh sách các ĐVHC cấp xã ở hải đảo trước ngày 01/11/2025 để phục vụ công tác

tổ chức bầu cử Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Về tổ chức thực hiện: Quy định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương trong đề xuất ban hành chính sách hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với xã đảo, xã ATK.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 10 năm 2025, Bộ Tư pháp xin thông báo./. 

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ (để biết);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Xuân Quý